

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 23-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy; bà Bùi Thị Minh Châu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23-01-2024, tại hội trường nhà văn hóa thuộc trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 19-12-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 08-01-2024, đối với các bị cáo:

1.A C, tên gọi khác: không, sinh ngày 30/9/2004 tại huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: K[?]Dong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông AP và bà YC; chưa có vợ con; anh em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-9-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. A H, tên gọi khác: không, sinh ngày 14/7/2001 tại huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: K[?] Dong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A T và bà Y X; sống chung như vợ chồng với Y Đ và có 01 con chung sinh năm 2022; chị em ruột có 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-9-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. A N, tên gọi khác: không, sinh ngày 12/8/1995 tại huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: K[?] Dong; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Đ và bà Y T; chưa có vợ con; anh em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-9-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Xa T, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Người làm chứng: Anh A;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A C, A H, A N là những người sử dụng trái phép chất ma túy. Vào tối ngày 22/9/2023, N đi đến nhà bạn là A tại thôn Đ, xã S để nhậu. Sau đó, N mượn điện thoại của A gọi điện cho C, H rủ đến nhà A nhậu thì C, H đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nhậu xong C, H, N ra về, sau khi ra ngoài đường. Lúc này, vì có nhu cầu sử dụng ma túy nên C nói là “lấy tý đi” thì H và N hiểu ý là muốn sử dụng ma túy. H nói nếu có chơi thì góp tiền vào, mỗi người một trăm nghìn thì C và N đồng ý. H nói không biết chỗ mua ma túy nên C bảo để C đặt mua vì C có biết và đã từng mua ma túy của một người tên Th, tên nick Facebook là “Phạm Th”. C dùng điện thoại gọi cho Th qua ứng dụng Messenger và hỏi mua 300.000 đồng tiền mua ma túy thì Th nói có và bảo C ra ngoài nhà Th ở thôn N, thị trấn P để lấy. C nói lại với H và N đã đặt mua ma túy nên N mượn xe mô tô của H đi đến nhà em họ là Xa T ở thôn Đ mượn được số tiền 20.000 đồng. C không có tiền nên bảo H đưa trước cho hôm sau sẽ trả lại, H đồng ý. Một lúc sau, N quay lại đưa số tiền 80.000 đồng cho H rồi H điều khiển xe mô tô biển số 82E1-246.80 chở C đi ghé qua nhà H lấy mũ bảo hiểm rồi bắt đầu đi ra thị trấn P để mua ma túy. Dọc đường C, H ghé quán tạp hóa của bà Phạm Thị C ở thôn G, xã S đổ xăng, mua thuốc hút rồi đi tiếp. Khi đi qua đoạn công Công ty B thuộc xã Đ, C nói H dừng xe đổi tay lái để C chở, đi đến quốc lộ 14 đoạn qua gần nhà hàng P thuộc thôn B, thị trấn P thì C dừng xe và gọi điện cho Th qua Messenger hỏi địa điểm thì Th nói cứ đi thẳng xuống thôn N, thị trấn P. C tiếp tục chở H theo quốc lộ 14 đi xuống thôn N, thị trấn P thì thấy có một nam thanh niên (không xác định được nhân thân) ngồi bên đường nên đã dừng xe lại, người này hỏi C là “anh C à” thì C trả lời “ừ”, lúc này người này nói là em của Th rồi dẫn C và H vào trong một căn nhà gần đó. Vào trong nhà người thanh niên nhận là em của Th đưa cho C và H hít thử ma túy và hỏi lại được không, C, H gật đầu; lúc này Th đưa cho H một gói ni lông màu trắng trong suốt, bên trong có chứa ma túy đá, H cầm gói ni lông trong lòng

bàn tay phải rồi đưa cho Th 300.000 đồng. Sau đó, C điều khiển xe chở H quay về lại thôn Đ. Khi đi qua cổng chào thôn G, xã S thì bị Công an xã S yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra H đã bỏ gói ma túy vừa mua được xuống dưới đường gần chân mình thì bị công an phát hiện. Lực lượng công an đã đưa C, H cùng tang vật về trụ sở Công an xã S để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tạm giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 26/KL- KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể rắn màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,411 gam, là loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS- NH ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố A C, A H, A N về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đối với đối tượng tên Th đã bán ma túy cho C và H, theo bản Cáo trạng nhận định: C và H mua ma túy của người đàn ông giới thiệu tên “Th”, tại căn nhà thuộc thôn N, thị trấn P. C và H không xác định được nhân thân cụ thể; không xác định được vị trí căn nhà do vào đêm khuya trời tối. dựa theo lời khai về đặc điểm nhận dạng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt A C, A H mỗi bị cáo từ 14 tháng tù đến 17 tháng tù; A N từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu và tiêu hủy số ma túy sau khi giám định còn lại; trả lại cho A H xe mô tô biển kiểm soát 82E1- 246.80 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen không liên quan đến tội phạm. Tịch thu, sung quỹ nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh đen của C đã dùng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa A C, A H, A N đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

A C khai bản thân trước đó có lần mua ma túy đá tại công viên của người tên Th để sử dụng nhưng không nghiện. C thừa nhận là người khởi xướng đề mua ma túy sử dụng và đã dùng điện thoại của mình để liên lạc với người đàn ông tên Th để mua. Sau khi mua xong C đã xóa thông tin liên quan về Th; C không xác định được vị trí nhà mà C và H đến để mua ma túy. Không biết rõ nhân thân lai lịch của Th và người giới thiệu là em của Th.

A H khai bản thân không nghiện ma túy, sau khi mua được ma túy H đã cầm ở tay mà không bỏ cất vào bất cứ vị trí nào của xe mô tô. H không dùng điện thoại của mình để liên lạc gì liên quan đến việc mua ma túy. Không xác định được vị trí nhà đã đến mua ma túy vì trời tối và không quen biết gì về địa bàn Th và người giới thiệu là em của Th ở. Không biết gì về Th và người giới thiệu là em của Th.

A N khai bản thân không nghiện ma túy; số tiền 80.000 đồng góp mua ma túy là tiền làm thuê có được, số tiền 20.000 đồng vay của Xa T để mua thuốc lá và nước uống, khi hỏi mượn vay tiền N không nói gì về việc mua ma túy nên T không biết. N không biết C, H đã mua ma túy của ai, ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Xa T khai tại phiên tòa: N hỏi mượn tiền mua thuốc lá hút nên cho mượn, còn N dùng để mua thuốc lá, nước uống hay góp mua ma túy thì chị không biết.

Người làm chứng là anh A khai tại phiên tòa: Vào tối ngày 22/9/2023, A C, A H, A N cùng nhậu tại nhà A là đúng sự thật, đến khoảng hơn 22 giờ đêm sau khi nhậu xong A say và đi ngủ, còn C, H, N cũng đi về. A không biết A C, A H, A N nói chuyện gì và mua ma túy như thế nào.

-Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ A C: Bị cáo đã thấy được sai trái của bản thân, thấy rất hối hận, mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo sẽ chấp hành tốt quy định tại thôn, xã và sau này không sử dụng ma túy nữa, không phạm tội tiếp theo nữa.

+ A H: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận thấy sai trái của mình, xin Hội đồng xem xét cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với vợ con và gia đình, bị cáo xin hứa không bao giờ vi phạm pháp luật nữa.

+ A N: Hôm đó bị cáo uống nhiều rượu có say, không ý thức được nhiều, bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất, bị cáo hứa trước dân làng, hứa trước pháp luật sẽ cải tạo, sửa chữa bản thân từ nay trở đi không còn sử dụng ma túy, không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Toàn bộ lời khai tại phiên tòa của A C, A H A N phù hợp với các lời khai và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Theo điểm c và khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự được trích dẫn quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”...*; các chất ma túy quy định tại điểm c gồm: *“Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”*.

[2.2] Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người...); Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào lúc 23 giờ 50 phút ngày 22/9/2023 của cơ quan Công an, thông qua báo hiệu dừng xe kiểm tra xác định A H có hành vi cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải cầm theo người, đây chính là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Theo bản kết luận giám định số 26/KL- KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận về gói ma túy là loại Methamphetamine, có khối lượng 0,411 gam, nguồn gốc số ma túy này là do A C, A H, A N cùng thỏa thuận góp tiền để mua với mục đích sử dụng. Như vậy, cả 03 bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo thể hiện lỗi cố ý, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội, của công dân và gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung

năm 2017. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố.

[3] Về hành vi có liên quan: Đối với đối tượng tên Th và người thanh niên nhận là em của Th đã dẫn C và H vào nhà để Th bán ma túy cho C và H. Theo kết quả điều tra thể hiện tại các biên bản như: Biên bản xác định vị trí nhà tại thôn N, thị trấn P là địa điểm Th bán ma túy cho C và H; biên bản kiểm tra thông tin trên điện thoại di động mà C dùng liên lạc với Th; biên bản hỏi cung lấy lời khai xác định nhân thân đặc điểm nhận dạng về hai người đàn ông này; biên bản điều tra, xác minh, truy tìm tại chính quyền địa phương nhưng chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với Xa T cho N mượn tiền mục đích để mua thuốc lá hút và nước uống, không phải là để mua ma túy nên không liên quan đến hành vi phạm tội của N.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử các bị cáo thể hiện “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất đồng phạm và áp dụng hình phạt:

[5.1] Áp dụng hình phạt chính: Trong vụ án này A C là người khởi xướng, C là người liên hệ với Th để đặt mua ma túy, C và H trực tiếp đi mua ma túy, có sự thống nhất của cả 03 và đều có mục đích để sử dụng. Theo kết quả xét nghiệm y tế C và H dương tính với chất ma túy, N âm tính với chất ma túy. Như vậy, hành vi của các bị cáo thể hiện tính chất đồng phạm ở mức giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, không mang yếu tố tổ chức. C đóng vai trò chính và tích cực trong vụ án nên phải chịu mức án cao nhất, kế tiếp là H rồi đến N. Trước khi phạm tội các bị cáo chưa bị tiền án, tiền sự, lượng ma túy tàng trữ không lớn, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ, tội phạm gây ra ở mức nghiêm trọng. Liên hệ với việc phạm tội tại địa phương: Trước xu hướng gia tăng tội phạm về ma túy tại địa bàn xã S, đối tượng phạm tội chủ yếu là thanh niên và là người dân tộc thiểu số, nơi trình độ dân trí thấp, hạn chế nhận thức về tác hại sử dụng ma túy, chưa lường hết hậu quả của việc sử dụng ma túy sẽ gây ảnh hưởng về sức khỏe cho người sử dụng, tiêu hao tài sản kinh tế bản thân và gia đình, gây tâm lý bất ổn cho người thân khi gia đình có người nghiện ma túy, từ việc nghiện ma túy nảy sinh nhiều mầm mống tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo...; và là một tệ nạn xã hội, cản trở sự phát triển văn minh, lành mạnh trong xã hội. Cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi

đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và cũng nhằm răn đe cho các đối tượng khác.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Cả 03 bị cáo đều làm nông, mức thu nhập không ổn định, đều là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điểm a khoản 2 các điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

[6.1] Đối với số ma túy thu giữ được hoàn lại sau khi giám định là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy.

[6.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đỏ - đen, gắn biển kiểm soát 82E1-246.80, chủ xe Phạm Thế Q, trú tại: Thôn N, thị trấn P, huyện N. Theo kết quả điều tra về nguồn gốc xe xác định vào cuối năm 2021 A H mua chiếc xe này, thuộc xe cũ tại tiệm Honda Q, tại thôn N, thị trấn P, giữa các bên chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, xe thể hiện có nguồn gốc rõ ràng. A H cầm ma túy theo người, không dùng xe để tàng trữ, do đó xe mô tô không phải là vật chứng trong vụ án, cần trả lại cho A H. Trả lại cho A H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ - đen, vì H không sử dụng điện thoại này để liên lạc trong việc thực hiện tội phạm.

[6.3] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh – đen của A C, đã dùng liên lạc với Th để mua ma túy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 1 điểm a khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về xử lý vật chứng;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo A C, A H, A N đồng phạm phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt A C 16 (mười sáu) tháng tù; A H 14 (mười bốn) tháng tù; A N 12 (mười hai) tháng tù; thời gian tù của cả 03 bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/9/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy 01 phong bì đã được niêm phong chứa ma túy có khối lượng còn lại sau khi giám định đã trừ bì là 0,398 gam, loại Methamphetamine, mặt trước có ghi nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 26/KL-KTHS”, tại các mép mặt sau có các dấu hình tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ* CÔNG AN TỈNH KON TUM” và các chữ ký ghi họ tên của Rơ C, Phùng V.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu xanh – đen, phần kính lưng bị vỡ của A C.

Trả lại cho A H 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đỏ - đen, gắn biển kiểm soát 82E1-246.80, không có phần yếm trước và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ - đen.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30- 12 -2023 giữa cơ quan Công an huyện N, tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí: Buộc A C, A H, A N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-01-2024).

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

